UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đồng Nai

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
1	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh trong việc quyết định các biện pháp, chính sách thuộc thẩm quyền nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân tại địa phương. - Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc quyết định chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật. - Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15, quy định về hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu giáo dục, trách nhiệm của Nhà nước trong phát	- Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với hoạt động giáo dục và phát triển giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đồng Nai.	- Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo; đồng thời phát huy thẩm quyền của HĐND thành phố trong việc quyết định các chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương phù hợp với điều kiện thực tiễn. - Phạm vi điều chỉnh được xác định đối với các chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục và phát triển giáo dục toàn diện, không thay thế các chế độ, chính sách do Trung ương quy định và không điều chỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền ban hành văn bản riêng của cơ quan có thẩm quyền. - Quy định này tạo cơ sở pháp lý thống nhất để triển khai các chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục, người học và đội ngũ tham gia hoạt động giáo dục trên địa bàn thành phố.

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		triển giáo dục và bảo đảm điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục.		
2	**Điều 2. Đối tượng áp dụng**	- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15, xác định các loại hình cơ sở giáo dục, người học, nhà giáo và các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. - Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 quy định về nhà giáo, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo, chính sách đối với nhà giáo và trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà giáo. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	1. Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. 2. Người học tại các cơ sở giáo dục, bao gồm trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên. 3. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Nghị quyết.	- Đối tượng áp dụng được xác định theo các nhóm chủ thể trực tiếp thụ hưởng hoặc có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, phù hợp với hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình quản lý giáo dục hiện hành. - Việc xác định đối tượng bao gồm cơ sở giáo dục, người học và đội ngũ tham gia hoạt động giáo dục nhằm bảo đảm chính sách hỗ trợ được triển khai đồng bộ, tác động trực tiếp đến điều kiện dạy học, chăm sóc, giáo dục và phát triển toàn diện người học. - Khi áp dụng từng chính sách cụ thể phải căn cứ đối tượng, loại hình cơ sở giáo dục và điều kiện hưởng được quy định tại từng điều; không hiểu quy định về đối tượng áp dụng chung là mọi đối tượng đều đương nhiên được hưởng tất cả các chính sách.
3	**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**	- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước phải bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm và hiệu quả. - Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập	Quy định các nguyên tắc: - Không điều chỉnh nội dung về học phí, hỗ trợ học phí và danh mục, mức thu dịch vụ thuộc thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền. - Chính sách của thành phố là chính sách hỗ trợ thêm; trường hợp đã hưởng chính	- Điều này thiết lập nguyên tắc chung để bảo đảm các chính sách của thành phố không trùng lặp với chính sách của Trung ương, không phát sinh việc hỗ trợ hai lần cho cùng một nội dung, cùng một đối tượng. - Nguyên tắc hỗ trợ phần chênh lệch nhằm bảo đảm tính bổ sung của chính sách địa phương, đồng thời sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp khả năng cân đối ngân sách. - Quy định không thu tiền người học đối với nội dung

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. - Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP và Nghị định số 339/2025/NĐ-CP quy định các chính sách hỗ trợ đối với người học, cơ sở giáo dục và bữa ăn học đường thuộc phạm vi điều chỉnh của từng nghị định.	sách cùng loại của Trung ương thì chỉ hỗ trợ phần chênh lệch, không hỗ trợ thêm nếu mức đã hưởng bằng hoặc cao hơn. - Trường hợp một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều mức hỗ trợ cùng loại thì chỉ hưởng một mức cao nhất. - Chỉ cấp kinh phí đối với hoạt động không thu tiền của người học; không thu tiền đối với nội dung đã được ngân sách nhà nước bảo đảm. - Thực hiện theo số lượng đối tượng, số ngày, tháng, tiết thực tế; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không trùng lặp. - Dừng hưởng khi đối tượng không còn đủ điều kiện theo quy định.	đã được ngân sách bảo đảm nhằm bảo vệ quyền lợi người học, ngăn ngừa tình trạng thu trùng, thu sai hoặc lạm thu trong cơ sở giáo dục. - Việc chi trả theo số lượng, thời gian và khối lượng thực tế là căn cứ để kiểm soát, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí. - Đề nghị rà soát kỹ kỹ thuật trình bày, đánh số khoản tại Điều 3; bảo đảm không bỏ sót khoản, không sai thứ tự và thống nhất thuật ngữ "hỗ trợ cùng loại", "phần chênh lệch" trong toàn văn bản.
4	**Điều 4. Hỗ trợ bữa ăn học đường**	- Nghị định số 339/2025/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ bữa ăn trưa đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở học tại các xã biên giới đất liền. - Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách đối với trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào	1. Hỗ trợ trẻ em mầm non và học sinh tiểu học học bán trú tại cơ sở giáo dục công lập thuộc các diện chính sách được quy định tại dự thảo. 2. Hỗ trợ tiền ăn bán trú: 30.000 đồng/trẻ em, học	- Chính sách được xây dựng nhằm hỗ trợ điều kiện ăn bán trú, góp phần bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe, duy trì sĩ số và tạo điều kiện học tập cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học thuộc nhóm có hoàn cảnh khó khăn hoặc sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù. - Mức hỗ trợ 30.000 đồng/ngày ăn thực tế và mức hỗ

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách. - Nghị định số 277/2025/NĐ-CP quy định chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15. - Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, trong đó có các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và cơ sở giáo dục mầm non theo điều kiện cụ thể.	sinh/ngày ăn thực tế, tối đa 09 tháng/năm học. 3. Hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn: - Cơ sở giáo dục mầm non: 4.700.000 đồng/tháng đối với mỗi 45 trẻ em ăn bán trú. - Cơ sở giáo dục tiểu học: 2.400.000 đồng/tháng đối với mỗi 45 học sinh ăn bán trú. - Số đối tượng còn lại hoặc tổng số dưới 45 được tính bằng một định suất. 4. Thực hiện nguyên tắc hỗ trợ phần chênh lệch đối với đối tượng, cơ sở giáo dục đã được hưởng chính sách cùng loại theo quy định của Trung ương.	trợ kinh phí tổ chức nấu ăn là mức đề xuất của địa phương, cần được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế, định mức chi hợp lý và khả năng cân đối ngân sách. - Việc quy định số lẻ được tính bằng một định suất nhằm bảo đảm các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ vẫn có điều kiện tổ chức bữa ăn bán trú. - Quy định hỗ trợ phần chênh lệch nhằm tránh trùng lặp với các chính sách tại Nghị định số 339/2025/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP. - Cần rà soát, lập danh sách đối tượng được hưởng theo từng chính sách Trung ương; xác định mức đã được hỗ trợ, số ngày ăn thực tế và phần ngân sách địa phương phải hỗ trợ thêm. Dự toán phải phân biệt rõ tiền ăn hỗ trợ trực tiếp cho người học với kinh phí tổ chức nấu ăn cho cơ sở giáo dục.
5	**Điều 5. Hỗ trợ hoạt động giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ**	- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15, xác định mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện con người về đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp. - Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo xác định yêu cầu đổi mới giáo dục, nâng cao	1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức câu lạc bộ trong nhà trường phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập: 30.000.000 đồng/câu lạc bộ/năm học; mỗi cơ sở giáo dục được hỗ trợ không quá 05 câu lạc bộ. Các lĩnh vực gồm tiếng Anh, thể dục thể thao, nghệ thuật, STEM/STEAM, năng lực số	- Chính sách nhằm tăng cường điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa, tạo môi trường để người học phát triển năng lực, phẩm chất, năng khiếu, kỹ năng thực hành, năng lực số và khả năng sáng tạo. - Việc hỗ trợ câu lạc bộ theo năm học giúp cơ sở giáo dục chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động, lựa chọn lĩnh vực phù hợp với nhu cầu người học và điều kiện thực tế của nhà trường. - Hỗ trợ thiết bị, học liệu STEM/STEAM, năng lực số

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		chất lượng giáo dục toàn diện. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	và trí tuệ nhân tạo, kỹ năng sống, văn hóa đọc. 2. Hỗ trợ một lần kinh phí mua sắm thiết bị, học liệu phục vụ giáo dục STEM/STEAM, năng lực số và trí tuệ nhân tạo: tối đa 100.000.000 đồng/cơ sở đối với trường THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học và trung tâm giáo dục thường xuyên; tối đa 70.000.000 đồng/cơ sở đối với trường tiểu học. Mỗi năm học hỗ trợ không quá 100 cơ sở giáo dục.	và trí tuệ nhân tạo là khoản hỗ trợ một lần, nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học. - Mức hỗ trợ và số lượng cơ sở được hỗ trợ là giới hạn tối đa; việc phân bổ phải căn cứ nhu cầu, hiện trạng thiết bị, khả năng tiếp nhận và thứ tự ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền quyết định. - Cần làm rõ tiêu chí lựa chọn cơ sở giáo dục, nguyên tắc không hỗ trợ trùng thiết bị đã được đầu tư từ ngân sách hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác; xác định rõ danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ nghiệm thu và trách nhiệm quản lý tài sản sau đầu tư. Dự toán câu lạc bộ cần thể hiện số lượng thực tế, không mặc nhiên tính đủ 05 câu lạc bộ/cơ sở.
6	**Điều 6. Hỗ trợ dạy học tiếng Anh**	- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15, quy định về nội dung, chương trình giáo dục và trách nhiệm bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình giáo dục. - Nghị định số 222/2025/NĐ-CP quy định việc dạy và học tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục. - Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai	Hỗ trợ một lần kinh phí mua sắm thiết bị phòng LAB, học liệu phục vụ dạy học tiếng Anh: - Tối đa 400.000.000 đồng/cơ sở đối với trường THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học và trung tâm giáo dục thường xuyên công lập. - Tối đa 300.000.000 đồng/cơ sở đối với trường tiểu học	- Chính sách nhằm tăng cường điều kiện dạy và học tiếng Anh, từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và định hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. - Việc hỗ trợ thiết bị phòng LAB và học liệu là khoản hỗ trợ đầu tư một lần, góp phần tạo môi trường học tập ngoại ngữ có ứng dụng công nghệ, tăng cường thực hành nghe, nói và tương tác. - Mức hỗ trợ được xác định theo cấp học, quy mô và yêu cầu trang thiết bị của từng loại hình cơ sở giáo dục; mức quy định là mức tối đa, không phải mức cấp

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045". - Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045.	công lập. - Mỗi năm học hỗ trợ không quá 100 cơ sở giáo dục theo thứ tự ưu tiên.	phát mặc nhiên. - Cần xác định rõ danh mục thiết bị, học liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu khai thác sử dụng và khả năng kết nối, dùng chung; tránh đầu tư trùng lặp với các dự án, chương trình đã được ngân sách nhà nước bố trí. - Cần lập danh sách cơ sở giáo dục được hỗ trợ trong toàn giai đoạn, phân kỳ theo từng năm học và xác định nguyên tắc mỗi cơ sở chỉ được hỗ trợ một lần đối với cùng nội dung đầu tư.
7	**Điều 7. Hỗ trợ dạy học các môn học khác bằng tiếng nước ngoài**	- Nghị định số 222/2025/NĐ-CP quy định việc dạy và học tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục, bao gồm nguyên tắc, điều kiện tổ chức và trách nhiệm của cơ sở giáo dục, nhà giáo trong quá trình thực hiện. - Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 quy định về quyền, nghĩa vụ, phát triển nghề nghiệp và chính sách đối với nhà giáo. - Quyết định số 2371/QĐ-TTg và Quyết định số 2732/QĐ-TTg xác định định hướng tăng cường năng lực ngoại ngữ và mở rộng việc sử dụng tiếng Anh trong môi trường giáo dục.	1. Hỗ trợ giáo viên cấp THCS, THPT không quá 120.000 đồng/tiết thực dạy; giới hạn số giáo viên, số tiết và thời gian hỗ trợ theo dự thảo. 2. Hỗ trợ giáo viên cấp tiểu học không quá 100.000 đồng/tiết thực dạy; giới hạn số giáo viên, số tiết và thời gian hỗ trợ theo dự thảo. 3. Hỗ trợ 10.000.000 đồng/người đối với giáo viên không phải giáo viên tiếng Anh tự đào tạo nâng cao trình độ tiếng Anh từ B1 trở lên và tham gia dạy học các môn khác bằng tiếng Anh; mỗi người chỉ được hỗ trợ một lần.	- Chính sách nhằm khuyến khích, tạo động lực cho giáo viên tham gia dạy học các môn học khác bằng tiếng nước ngoài, góp phần nâng cao năng lực hội nhập, năng lực ngoại ngữ và chất lượng giáo dục trong nhà trường. - Mức hỗ trợ theo tiết dạy được xây dựng theo tính chất công việc, yêu cầu chuyên môn và cấp học; việc thanh toán căn cứ số tiết thực dạy, có kế hoạch được phê duyệt, thời khóa biểu, hồ sơ chuyên môn và xác nhận của cơ sở giáo dục. - Khoản hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ tiếng Anh nhằm khuyến khích giáo viên đạt trình độ ngoại ngữ cần thiết để tham gia dạy học bằng tiếng Anh; điều kiện hưởng phải gắn với kết quả đào tạo, chứng chỉ hợp lệ và việc thực tế tham gia giảng dạy. - Cần đối chiếu với các chế độ tiền lương, phụ cấp, thù lao và chính sách bồi dưỡng nhà giáo hiện hành để bảo đảm không thanh toán trùng cho cùng một nhiệm vụ. Đồng thời, cần làm rõ hạn mức số giáo viên được hỗ trợ hằng năm và nguyên tắc mỗi giáo viên chỉ hưởng

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
				hỗ trợ đào tạo một lần trong toàn bộ thời gian thực hiện chính sách.
8	**Điều 8. Hỗ trợ chi phí đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên ngành giáo dục công tác xa nơi đăng ký thường trú**	- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc quyết định chế độ chi ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật. - Các quy định hiện hành về tiền lương, phụ cấp, công tác phí và chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là căn cứ để phân định khoản hỗ trợ của địa phương với chế độ đã được bảo đảm từ ngân sách nhà nước.	Quy định các mức hỗ trợ theo khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến nơi công tác: - Từ 20 km đến dưới 40 km: 2.000.000 đồng/người/tháng. - Từ 40 km đến dưới 60 km: 2.600.000 đồng/người/tháng. - Từ 60 km đến dưới 80 km: 3.200.000 đồng/người/tháng. - Từ 80 km đến dưới 100 km: 3.800.000 đồng/người/tháng. - Từ 100 km đến dưới 120 km: 4.400.000 đồng/người/tháng. - Từ 120 km trở lên: 5.000.000 đồng/người/tháng. Việc hỗ trợ thực hiện theo thời gian công tác thực tế và điều kiện quy định.	- Chính sách nhằm hỗ trợ một phần chi phí đi lại cho đội ngũ ngành giáo dục phải công tác xa nơi đăng ký thường trú, góp phần ổn định đội ngũ, khuyến khích công tác tại các địa bàn xa trung tâm, địa bàn khó khăn và bảo đảm hoạt động của các cơ sở giáo dục. - Các mức hỗ trợ được phân theo khoảng cách nhằm bảo đảm tính tương ứng giữa mức hỗ trợ và điều kiện đi lại thực tế. Đây là chính sách hỗ trợ bổ sung của địa phương, không thay thế chế độ công tác phí, phụ cấp hoặc chế độ khác do Trung ương quy định. - Cần quy định rõ cách xác định khoảng cách, tuyến đường làm căn cứ tính, địa điểm thường trú, địa điểm làm việc, điều kiện hưởng trong trường hợp thay đổi nơi công tác, nghỉ dài ngày, biệt phái hoặc kiêm nhiệm. - Cần rà soát đối tượng đang được hưởng chế độ hỗ trợ đi lại hoặc chế độ có cùng mục đích từ nguồn ngân sách khác để tránh trùng lặp; xác định rõ số tháng được hưởng trong năm và hồ sơ chứng minh.

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
9	**Điều 9. Hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục trực quản lý học sinh buổi trưa**	- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong việc tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý và bảo đảm an toàn cho người học. - Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của nhà giáo. - Các quy định về chế độ làm việc, thời giờ làm việc, chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp đối với nhà giáo, viên chức là căn cứ để xác định phần hỗ trợ bổ sung, tránh thanh toán trùng nhiệm vụ đã được tính trong chế độ hiện hành.	1. Hỗ trợ cán bộ quản lý trực quản lý học sinh buổi trưa tại trường bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú: 200.000 đồng/buổi. 2. Hỗ trợ giáo viên trực quản lý học sinh buổi trưa tại trường bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú: 100.000 đồng/buổi/lớp; mỗi lớp bố trí một giáo viên trực. Mức hỗ trợ căn cứ số buổi trực thực tế, tối đa 09 tháng/năm học và không quá 25 buổi/tháng.	- Chính sách nhằm hỗ trợ một phần công sức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên trực tiếp tham gia quản lý, giám sát, bảo đảm an toàn cho học sinh trong thời gian nghỉ trưa tại các cơ sở giáo dục tổ chức bán trú hoặc nội trú. - Mức hỗ trợ được xác định theo buổi trực và số lớp thực tế, phù hợp với tính chất nhiệm vụ và yêu cầu quản lý học sinh ngoài thời gian tổ chức dạy học. - Cần quy định rõ điều kiện xác định buổi trực hợp lệ, phân công trực, bảng chấm công hoặc xác nhận nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong xác nhận khối lượng thực tế. - Cần rà soát để bảo đảm không chi trùng với tiền lương, phụ cấp hoặc khoản chi khác đã được bố trí cho cùng nhiệm vụ; chỉ thanh toán đối với thời gian trực thực tế, có phát sinh nhiệm vụ và đủ hồ sơ theo quy định.
10	**Điều 10. Hỗ trợ trẻ em mầm non, học sinh, học viên thuộc diện chính sách**	- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập. - Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách đối với trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên thuộc vùng và nhóm đối tượng được quy định. - Nghị định số 277/2025/NĐ-CP quy định chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. - Nghị định số 57/2017/NĐ-CP quy	Quy định đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người học khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh và người học ở địa bàn thuộc diện chính sách theo quy định. Nội dung hỗ trợ gồm: - Hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/người/tháng, tối đa 09 tháng/năm học. - Hỗ trợ bổ sung đối với một	- Chính sách nhằm hỗ trợ người học thuộc nhóm yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn hoặc sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù, góp phần bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, hạn chế tình trạng bỏ học và thực hiện công bằng trong giáo dục. - Mức hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ tiền nhà ở là chính sách bổ sung của địa phương, được xây dựng trên cơ sở điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách. - Việc xác định đối tượng phải căn cứ hồ sơ hợp lệ, chuẩn nghèo áp dụng tại thời điểm xét hưởng, danh sách địa bàn được cấp có thẩm quyền công bố và các

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. - Các quy định về ưu đãi người có công với cách mạng và trợ cấp xã hội có liên quan là căn cứ để xác định các khoản hỗ trợ cùng loại, cùng mục đích.	số nhóm học sinh thuộc hộ nghèo đã được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Trung ương. - Hỗ trợ tiền nhà ở 400.000 đồng/người/tháng, tối đa 09 tháng/năm học đối với người học đáp ứng điều kiện về khoảng cách và các điều kiện khác theo dự thảo.	điều kiện cụ thể tại dự thảo. - Đối với người học đã được hưởng chính sách cùng loại theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP hoặc chế độ ưu đãi người có công, phải xác định mức đã hưởng để chỉ hỗ trợ phần chênh lệch theo nguyên tắc tại Điều 3. - Cần xây dựng bảng tính riêng cho từng nhóm đối tượng, từng loại hỗ trợ; xác định số tháng hưởng, điều kiện về khoảng cách đối với hỗ trợ nhà ở và mức kinh phí đã được ngân sách Trung ương hoặc nguồn khác bảo đảm. Không sử dụng số lượng tổng hợp chung để tính dự toán khi chưa xác định số người đủ điều kiện thực tế.
11	**Điều 11. Chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục và điều kiện tổ chức giữ trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi**	- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 quy định giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. - Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non và các điều kiện hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non theo từng nhóm đối tượng, địa bàn. - Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP quy định việc phổ cập giáo dục mầm non	Hỗ trợ một lần kinh phí cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ sở giáo dục mầm non công lập có tổ chức giữ trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi; mức hỗ trợ tối đa 300.000.000 đồng/cơ sở. Mỗi năm học hỗ trợ tối đa một cơ sở tại mỗi xã, phường theo điều kiện và thứ tự ưu tiên quy định.	- Chính sách nhằm tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục mầm non công lập đủ năng lực tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi, đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người dân và yêu cầu phát triển mạng lưới giáo dục mầm non. - Đây là chính sách hỗ trợ đầu tư một lần của địa phương, không thay thế các chính sách phát triển giáo dục mầm non do Trung ương quy định. - Mức hỗ trợ tối đa 300.000.000 đồng/cơ sở cần căn cứ hiện trạng cơ sở vật chất, danh mục trang thiết bị thiết yếu, phương án tổ chức hoạt động, khả năng tiếp nhận trẻ và khả năng cân đối ngân sách. - Cần xác định rõ điều kiện cơ sở được hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn trong trường hợp một xã, phường có nhiều cơ

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; không đồng nhất phạm vi này với nhóm trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi.		sở đủ điều kiện; trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản sau đầu tư và nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp đối với cùng hạng mục đã được bố trí kinh phí.
12	**Điều 12. Hỗ trợ kinh phí triển khai phần mềm, nền tảng số phục vụ quản trị nhà trường và dạy học**	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng để phát triển đất nước. - Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15, quy định trách nhiệm bảo đảm điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục. - Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các quy định về quản lý đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân là căn cứ để tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí.	Hỗ trợ kinh phí thuê dịch vụ hoặc mua sắm, cài đặt, chuyển đổi dữ liệu, đào tạo người sử dụng, duy trì, bảo trì và nâng cấp phần mềm, nền tảng số phục vụ quản trị nhà trường và dạy học; mức hỗ trợ tối đa 35.000.000 đồng/cơ sở/năm học, không quá 160 cơ sở giáo dục/năm học theo điều kiện quy định.	- Chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, hỗ trợ nhà trường triển khai các nền tảng số phục vụ quản trị, điều hành, quản lý dữ liệu và tổ chức dạy học. - Mức hỗ trợ được xác định theo giới hạn tối đa cho mỗi cơ sở giáo dục và số lượng cơ sở được hỗ trợ hằng năm, tạo cơ sở để địa phương ưu tiên các đơn vị còn khó khăn về hạ tầng, phần mềm và năng lực triển khai. - Cần bảo đảm việc đầu tư, thuê dịch vụ không trùng lặp với các hệ thống, phần mềm, nền tảng số đã được thành phố hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai dùng chung. Phải làm rõ yêu cầu kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, quyền sở hữu và quyền quản lý dữ liệu, bảo mật thông tin, an toàn hệ thống và khả năng chuyển giao khi kết thúc hợp đồng. - Cần xác định rõ danh mục nội dung được hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn cơ sở, hồ sơ nghiệm thu, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm duy trì, khai thác sau khi được hỗ trợ. Đối với khoản chi định kỳ theo năm học, phải xác định rõ điều kiện hỗ trợ lặp lại và khả năng cân đối ngân sách trong toàn giai đoạn.
13	**Điều 13. Hỗ trợ giáo viên tham gia Hội đồng**	- Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 quy định về phát triển nghề nghiệp, hoạt động chuyên môn, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo. - Nghị định số 93/2026/NĐ-CP quy	Quy định mức hỗ trợ thành viên Hội đồng chuyên môn giáo viên cốt cán thực hiện nhiệm vụ được phân công: - 400.000 đồng/người/buổi	- Chính sách nhằm phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán trong tư vấn, hỗ trợ chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên, xây dựng học liệu và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn thành phố. - Mức hỗ trợ theo buổi và theo sản phẩm được xây

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	chuyên môn giáo viên cốt cán	định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo. - Các quy định về chế độ làm việc, bồi dưỡng thường xuyên, nhiệm vụ chuyên môn và chế độ chi tiêu hiện hành là căn cứ để xác định nội dung công việc được hỗ trợ, tránh chi trùng nhiệm vụ thường xuyên.	đối với hoạt động chuyên môn theo yêu cầu, kế hoạch được giao, không bao gồm các cuộc họp hành chính hoặc hoạt động chuyên môn thường xuyên. - Hỗ trợ tối đa 3.000.000 đồng/sản phẩm đối với nhà giáo chủ trì chuyên đề, báo cáo chuyên môn hoặc được giao xây dựng, biên soạn, thẩm định sản phẩm chuyên môn; giới hạn số sản phẩm theo quy định. - Không thanh toán trùng cho cùng một nhiệm vụ, sản phẩm.	dựng trên cơ sở khối lượng, tính chất và yêu cầu chuyên môn của nhiệm vụ được giao; không phải khoản phụ cấp thường xuyên hoặc khoản chi mặc nhiên cho mọi thành viên Hội đồng. - Việc chi trả phải gắn với quyết định phân công nhiệm vụ, kế hoạch chuyên môn, sản phẩm hoặc kết quả công việc được nghiệm thu, xác nhận. - Cần quy định rõ tiêu chí xác định sản phẩm, quy trình giao nhiệm vụ, nghiệm thu, thẩm định và hồ sơ thanh toán; không chi cho cuộc họp hành chính, công việc thường xuyên đã nằm trong nhiệm vụ được giao hoặc sản phẩm đã được thanh toán từ nguồn kinh phí khác. - Số lượng thành viên, số buổi và số sản phẩm trong phụ lục dự toán phải được rà soát thống nhất, tránh chênh lệch số lượng người giữa phần tính kinh phí theo buổi và phần tính kinh phí theo sản phẩm.
14	**Điều 14. Hỗ trợ dạy học Tin học**	- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị định hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực số. - Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 123/2025/QH15, quy định trách nhiệm bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình giáo dục và phát triển năng lực người học. - Luật Ngân sách nhà nước số	Hỗ trợ một lần kinh phí mua sắm thiết bị phòng Tin học, học liệu phục vụ dạy học Tin học, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo: - Tối đa 600.000.000 đồng/cơ sở đối với trường THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học và trung tâm giáo dục thường xuyên. - Tối đa 500.000.000 đồng/cơ sở đối với trường tiểu học.	- Chính sách nhằm tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học Tin học, hỗ trợ triển khai chương trình giáo dục, phát triển năng lực số và từng bước đưa nội dung trí tuệ nhân tạo vào hoạt động giáo dục phù hợp với yêu cầu thực tiễn. - Mức hỗ trợ được xác định theo cấp học và nhu cầu thiết bị; là mức tối đa, thực hiện theo danh mục, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khối lượng thực tế. - Cần xác định rõ danh mục thiết bị, cấu hình tối thiểu, số lượng máy tính, yêu cầu kết nối mạng, phần mềm bản quyền, thiết bị phụ trợ và điều kiện phòng học;

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		89/2025/QH15 quy định nguyên tắc quản lý, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.	- Mỗi năm học hỗ trợ không quá 100 cơ sở giáo dục theo điều kiện, thứ tự ưu tiên quy định.	bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả. - Cần rà soát sự thống nhất giữa mức hỗ trợ tại điều khoản và phụ lục dự toán. Trường hợp điều khoản quy định mức tối đa 600.000.000 đồng/cơ sở đối với nhóm trường THCS, THPT và trung tâm giáo dục thường xuyên nhưng phụ lục đang tính theo mức 550.000.000 đồng/cơ sở thì phải xác định rõ mức dự toán thực tế hay điều chỉnh mức quy định; không để hai phần của Nghị quyết mâu thuẫn.
15	**Điều 15. Thời gian thực hiện và phương thức chi trả**	- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước theo năm ngân sách, bảo đảm đúng nhiệm vụ, dự toán được cấp có thẩm quyền giao. - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15, quy định về thời điểm có hiệu lực, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.	Quy định thời gian thực hiện các chính sách từ năm học 2026-2027 đến hết năm học 2030-2031; quy định thời điểm thực hiện riêng đối với chính sách hỗ trợ dạy học Tin học tại Điều 14; phương thức chi trả, hồ sơ, thời hạn và nguyên tắc thanh toán theo số lượng, khối lượng thực tế.	- Điều này nhằm xác định thời gian triển khai, phạm vi áp dụng và phương thức chi trả thống nhất đối với các chính sách, tạo cơ sở cho việc lập dự toán, phân bổ kinh phí và tổ chức thực hiện trong từng năm ngân sách, năm học. - Việc quy định thanh toán theo số lượng, thời gian và khối lượng thực tế góp phần bảo đảm chi đúng đối tượng, đúng mục đích, hạn chế tạm ứng, thanh toán không có căn cứ. - Cần phân biệt rõ thời gian thực hiện theo năm học với thời gian bố trí, quyết toán theo năm ngân sách; quy định cụ thể đối với chính sách hỗ trợ một lần, chính sách hỗ trợ định kỳ và chính sách chi theo khối lượng thực tế. - Đối với chính sách hỗ trợ dạy học Tin học thực hiện từ ngày 01/01/2027 đến hết tháng 5/2027 theo dự thảo, cần bảo đảm thống nhất với thời gian hiệu lực của Nghị quyết, lộ trình đầu tư và quy định chuyển tiếp của các nghị quyết hiện hành. - Cần xác định rõ thời điểm bắt đầu áp dụng từng

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
				chính sách, tránh trường hợp chính sách có thời gian thực hiện trước ngày Nghị quyết có hiệu lực hoặc phát sinh khoảng trống giữa văn bản cũ và văn bản mới.
16	**Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện**	- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách, lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách. - Nghị định số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. - Các quy định về quản lý, sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác là căn cứ để huy động, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách theo đúng quy định.	Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bảo đảm từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn lồng ghép từ các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan; nguồn tài trợ, xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	- Quy định nguồn kinh phí nhằm xác định trách nhiệm bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách, bảo đảm phù hợp với phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách địa phương. - Việc lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp và tăng tính chủ động trong tổ chức thực hiện. - Nguồn tài trợ, xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác chỉ được tiếp nhận, quản lý, sử dụng trên cơ sở tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích và không làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc đối với người học hoặc cha mẹ học sinh. - Dự toán thực hiện phải được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng đủ điều kiện, mức hỗ trợ, thời gian hưởng, khối lượng thực tế và nguyên tắc khấu trừ chính sách cùng loại. Không sử dụng tổng số cộng gộp các khoản chi một lần, chi hằng năm và chi theo tháng để xác định một mức kinh phí năm hoặc toàn giai đoạn khi chưa phân loại, tính toán lại.

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
17	**Điều 17. Tổ chức thực hiện**	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND, Chủ tịch UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã. - Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng, kiểm tra và quyết toán ngân sách nhà nước.	Quy định trách nhiệm của UBND thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND xã, phường và các cơ sở giáo dục trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.	- Điều này cụ thể hóa trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai chính sách, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan tài chính, chính quyền địa phương và cơ sở giáo dục. - Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan tham mưu, hướng dẫn chuyên môn, tổng hợp nhu cầu, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện chính sách trong phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục. - Sở Tài chính phối hợp hướng dẫn việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định; tham mưu cân đối nguồn lực thực hiện. - UBND xã, phường và các cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát đối tượng, xác nhận điều kiện hưởng, tổ chức thực hiện, quản lý hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, nội dung đề nghị hỗ trợ. - Việc phân công trách nhiệm cần phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, phân định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của người đứng đầu; tránh quy định chung chung hoặc giao nhiệm vụ vượt thẩm quyền.

STT	ĐIỀU	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
18	**Điều 18. Điều khoản thi hành**	- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15, quy định về hiệu lực thi hành, thời điểm có hiệu lực và điều khoản chuyển tiếp của văn bản quy phạm pháp luật. - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định thẩm quyền ban hành nghị quyết của HĐND cấp tỉnh. - Các nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai trước sắp xếp và HĐND tỉnh Bình Phước trước sắp xếp đang được áp dụng trên địa bàn thành phố là căn cứ cần rà soát để quy định việc tiếp tục áp dụng, thay thế hoặc bãi bỏ phù hợp.	Quy định thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết; việc tiếp tục áp dụng, bãi bỏ các nghị quyết trước đây về chính sách có liên quan trên địa bàn thành phố; trách nhiệm xử lý các trường hợp đang thực hiện chính sách theo văn bản cũ và việc quyết toán kinh phí trong giai đoạn chuyển tiếp.	- Điều khoản thi hành nhằm xác định thời điểm bắt đầu áp dụng Nghị quyết, xử lý mối quan hệ với các nghị quyết đã ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm tính liên tục và thống nhất trong thực hiện chính sách trên địa bàn thành phố. - Việc quy định thời điểm bãi bỏ các nghị quyết cũ cần bảo đảm không tạo khoảng trống pháp lý, không làm gián đoạn quyền lợi hợp pháp của đối tượng đang được hưởng chính sách và không phát sinh việc áp dụng đồng thời hai chế độ cho cùng một nội dung. - Cần rà soát cụ thể từng nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai và HĐND tỉnh Bình Phước trước đây; xác định rõ văn bản tiếp tục áp dụng đến thời điểm nào, văn bản bị bãi bỏ và phạm vi địa bàn áp dụng. - Quy định chuyển tiếp phải làm rõ cách xử lý hồ sơ đã được phê duyệt, khoản kinh phí đã bố trí, nhiệm vụ đã triển khai và trách nhiệm quyết toán; bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy định về ngân sách nhà nước.